TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNST
Ngày: 10-5-2023
Vv: "Xin ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh

Ông Lê Minh Thư

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2022/TLST-HN ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trương Quốc T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 03, ấp T6, xã T7, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2.Bị đơn: Chị Phùng Kim T1, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp T6, xã T7, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ñôn khởi kiện đề ngày 21/11/2022 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Quốc T trình bày:

Vào năm 2012 anh và vợ quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu anh chị quyết định tiến tới hôn nhân, không có tổ chức tiệc cưới theo phong tục truyền thống. Sau đó, anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2017 ngày 10/3/2017.

Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với nhau tại tổ B, ấp T6, xã T7, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn bất đồng quan điểm nên thưởng xảy ra mâu thuẫn, anh và vợ ít giành thời gian gần gũi quan tâm đến nhau, vì vậy khoảng cách giữa anh chị ngày càng xa.

Sự việc kéo dài nhiều năm nay, vì muốn cho gia đình nguyên vẹn cùng lo cho con cái ăn học nên anh chị đã cố chịu đựng nhưng vẫn không thể nào trở lại như mong đợi. Hiện tại, anh nhận thấy giữa anh và vợ anh không còn tình cảm vợ chồng. Vì lẽ đó, anh quyết định xin ly hôn với vợ anh để giải thoát cho cả hai.

Con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung

1. Trương Thị Tú A sinh ngày 14/6/2013
2. Trương Quốc T2, sinh ngày 08/6/2016

Hiện hai cháu Tú A và cháu Quốc T2 đang sống chung với anh.

Tài sản chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn chị Phùng Kim T1 trình bày:

Chị thống nhất ly hôn với anh Trương Quốc T. Con chung Trương Thị Tú A sinh ngày 14/6/2013 và Trương Quốc T2 sinh ngày 08/6/2016 giao cho Phùng Kim T1 nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không tranh chấp tài sản và xin vắng mặt tại các phiên tòa. Nhường quyền nuôi 02 đứa con cho ông Trương Văn T3 sinh năm 1969 nuôi dưỡng. Vì lý do nhà xa cho nên ở với ông bà hè chị rước hai con đi theo chị và cho ăn học đàng hoàng.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 cháu Trương Thị Tú A có ý kiến là sau khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với cha.

Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2023 bà Đồng Thị M vợ ông Trương Văn T3 trình bày: Bà là vợ của ông Trương Văn T3, ông Trương Văn T3 là chú ruột anh Trương Quốc T. Cách đây khoảng 08 năm vợ chồng T, T1 có cất nhà ở gần nhà vợ chồng bà. T và T1 có 02 con chung tên Tú A và Quốc T2. Cách đây 05 năm T có đi lao động ở Đài Loan còn T1 ở nhà nuôi 02 con chung. Hàng tháng T có gởi tiền về nuôi 02 con. Đến

tháng 04/2021 Phùng Kim T1 có gởi cháu Quốc T2 cho vợ chồng bà nuôi, đến tháng 06/2021 T1 đem cháu Tú A gởi cho vợ chồng bà nuôi. Vợ chồng bà cũng cho cháu Tú A và cháu T2 đi học cho đến nay. Hiện nay T về nước những vẫn để cho gia đình bà nuôi dưỡng 02 cháu. Hiện hai cháu đang theo học ở đây, nên theo bà thì nên để cháu Tú A và cháu T2 sống với T là tốt hơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với lý do anh và chị T1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi, vợ chồng anh không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân của anh không hạnh phúc.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn xin vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quốc T được ly hôn chị Phùng Kim T1

Về con chung Trương Thị Tú A sinh ngày 14/6/2013 và Trương Quốc T2 sinh ngày 08/6/2016 tiếp tục giao cho anh T nuôi dưỡng, chị T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con, chị T1 được quyền thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về án phí buộc anh T nộp 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quốc T và chị Phùng Kim T1 là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát

sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét cuộc sống gia đình giữa anh Trương Quốc T và chị Phùng Kim T1 không hạnh phúc, ông bà không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Anh Trương Quốc T không còn mong muốn cùng chị Phùng Kim T1 xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Chị Phùng Kim T1 đồng ý ly hôn với anh T. Với những mâu thuẫn vợ chồng như anh đã trình bày tại phiên tòa nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quốc T, cho anh Trương Quốc T được ly hôn với chị Phùng Kim T1.

[2.2] Về con chung: Cháu Trương Thị Tú A sinh ngày 14/6/2013, cháu Trương Quốc T2 sinh ngày 08/6/2016 có nguyện vọng được ở cùng với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy hiện cháu Trương Thị Tú A sinh ngày 14/6/2013 và cháu Trương Quốc T2 sinh ngày 08/6/2016 có cuộc sống ổn định nên việc anh T yêu cầu nuôi cháu Tú A và cháu Quốc T2 là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: anh Trương Quốc T phải chịu theo quy định của pháp luật

[4] Xét ý kiến phát biểu của kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trương Quốc T được ly hôn chị Phùng Kim T1

2.Về con chung: Giao cháu cháu Trương Thị Tú A sinh ngày 14/6/2013 và cháu Trương Quốc T2 sinh ngày 08/6/2016 cho anh Trương Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phùng Kim T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết

4.Về án phí:

Buộc anh Trương Quốc T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0013957 ngày 08/12/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, nên anh Trương Quốc T không phải nộp thêm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Bình Tân;
-Chi cục THADS huyện Bình Tân;
-Các đương sự:
-Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương